Ký bởi: Văn phòng Ủy ban Nhân dân
Email: ubnd@tphcm.gov.vn
Cơ quan: Thành phố Hồ Chí Minh
Thời gian ký: 23.02.2022 14:27:12 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 538 /QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của Hội Cựu Thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP; Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 155/2005/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc cho phép thành lập Hội Cựu Thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội Cựu Thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 01/TH-VP ngày 04 tháng 01 năm 2022 và ý kiến của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 460/TTr-SNV ngày 27 tháng 01 năm 2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Cựu Thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh đã được Đại hội đại biểu nhiệm kỳ IV (2021 - 2026) của Hội Cựu Thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh thông qua ngày 17 tháng 12 năm 2021.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 1160/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Cựu Thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Hội Cựu Thanh niên xung phong Thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ban Dân vận Thành ủy;
- Ban Tổ chức Thành ủy;
- Lực lượng TNXP Thành phố;
- Sở Nội vụ (3b);
- VPUB: PCVP/VX;
- Phòng VX;
- Lưu: VT, (VX-HC). 13

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Anh Đức

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)
HỘI CỰU THANH NIÊN XUNG PHONG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 538 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi

1. Tên tiếng việt: Hội Cựu Thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tên viết tắt: Hội Cựu TNXP Thành phố.

3. Biểu tượng:

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Cựu Thanh niên xung phong Thành phố (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội tập hợp lực lượng cựu Thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ qua các thời kỳ kháng chiến, xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc và khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng kinh tế sau năm 1975, nhằm tiếp tục phát huy bản chất, truyền thống anh hùng của lực lượng Thanh niên xung phong Việt Nam do Bác Hồ sáng lập đã lập công xuất sắc trong các thời kỳ kháng chiến, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đại diện ý chí, nguyện vọng, quyền và lợi ích hợp pháp của cựu Thanh niên xung phong trên địa bàn Thành phố.

Mục đích của Hội là tập hợp, đoàn kết cựu Thanh niên xung phong và hội viên nhằm khơi dậy, phát huy truyền thống của Thanh niên xung phong trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; làm nhân chứng lịch sử; tham gia phản biện xã hội; giúp chính quyền giải quyết các chế độ chính sách đối với cựu Thanh niên xung phong; động viên hội viên giúp đỡ, hỗ trợ nhau

trong cuộc sống; giảm nghèo bền vững; tiến hành các hoạt động nghĩa tình đồng đội có hiệu quả thiết thực; góp phần vào việc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

Trụ sở của Hội đặt tại số 636 đường Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

Hội hoạt động trên phạm vi Thành phố Hồ Chí Minh trong lĩnh vực xã hội về cựu Thanh niên xung phong.

Hội chịu sự quản lý Nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.

2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.

3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.

4. Không vì mục đích lợi nhuận.

5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II
QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền mục đích của Hội.

2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.

3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.

4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan Nhà nước thuộc lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật.

5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật; kiến nghị với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động.

6. Tham gia với các cơ quan có thẩm quyền về giải quyết chế độ, chính sách đối với Thanh niên xung phong hoàn thành nhiệm vụ trong các thời kỳ kháng chiến, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo quy định của pháp luật.

7. Được thành lập các pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

10. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội; tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt; không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên, vận động hội viên tham gia các phong trào thi đua yêu nước; tổ chức, phối hợp hoạt động của các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Động viên, giúp đỡ hội viên phấn đấu để có cuộc sống khỏe, sống vui, sống có ích cho bản thân, cho gia đình và xã hội; giúp nhau giảm nghèo, làm giàu hợp pháp; đấu tranh phòng, chống các tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật, góp phần bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

4. Tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với cựu Thanh niên xung phong và Nhân dân; hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, các chế độ, chính sách của Nhà nước có liên quan đến cựu Thanh niên xung phong và tổ chức, hoạt động Hội, thực hiện tốt Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

5. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội; tham gia giám sát giải quyết chế độ, chính sách đối với cựu Thanh niên xung phong theo quy định của pháp luật.

6. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

7. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

8. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III
HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên cá nhân:

Công dân Việt Nam là cựu Thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong các thời kỳ kháng chiến, xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc, khắc phục hậu quả chiến tranh và xây dựng kinh tế sau năm 1975; cựu cán bộ trực tiếp làm công tác quản lý thanh niên xung phong các thời kỳ, đang sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện xin gia nhập Hội, được Ban Chấp hành Hội xem xét, kết nạp làm hội viên chính thức của Hội.

2. Hội viên tổ chức:

a) Hội Cựu Thanh niên xung phong ở các quận, huyện, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là Hội Cựu Thanh niên xung phong cấp quận), được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, là hội viên chính thức của Hội.

b) Các Chi hội trực thuộc do Hội Cựu Thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh thành lập.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội; được Hội giúp đỡ về tinh thần và vật chất khi gặp khó khăn theo quy định của Hội.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được khen thưởng theo quy định của pháp luật, quy định.

7. Hội viên chính thức được cấp thẻ hội viên.

8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, nghị quyết, quyết định, quy định, chương trình hoạt động của Hội; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

2. Giữ vững tư cách, phẩm chất đạo đức cách mạng của Thanh niên xung phong, gương mẫu trong cuộc sống, giáo dục con cháu trong gia đình, góp phần giáo dục thế hệ trẻ.

3. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, giúp đỡ, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

4. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra Hội

1. Tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 8 Điều lệ này tán thành Điều lệ Hội và tự nguyện làm đơn gia nhập Hội, được Hội xem xét, kết nạp là hội viên của Hội.

2. Hội viên của Hội khi xét thấy không đủ điều kiện tham gia Hội, làm đơn ra khỏi Hội, được Hội xem xét, chấp thuận.

3. Hội viên bị Hội chấm dứt tư cách hội viên khi:

a) Hội viên bị khai trừ ra khỏi Hội khi vi phạm pháp luật hình sự hoặc vi phạm Điều lệ làm ảnh hưởng đến uy tín, hoạt động của Hội;

b) Hội viên đương nhiên không còn tư cách hội viên khi bị chết (đối với cá nhân), bị giải thể (đối với hội viên tổ chức).

4. Tiêu chuẩn hội viên, thẩm quyền, trình tự, thủ tục kết nạp hội viên; việc cấp, quản lý, thu hồi thẻ hội viên, xin ra khỏi Hội, chấm dứt tư cách hội viên thực hiện theo Điều lệ và quy định.

5. Hàng quý, các Hội Cựu Thanh niên xung phong cấp quận báo cáo danh sách hội viên mới kết nạp, mới công nhận, ra Hội và bị chấm dứt tư cách hội viên lên Hội Cựu Thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh để biết và ra quyết định cấp hoặc thu hồi thẻ hội viên.

Chương IV
TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.

2. Ban Chấp hành.

3. Ban Thường vụ, Ban Thường trực.

4. Ban Kiểm tra.

5. Văn phòng, các Ban chuyên môn.

6. Các tổ chức thuộc Hội (nếu có).

Điều 13. Đại Hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và Báo cáo tài chính của Hội;

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

đ) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội; ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số Ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) số lượng Ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 02 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là hợp lệ khi có ít nhất 1/2 số Ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Ban Thường vụ, Ban Thường trực Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Chấp hành. Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Thường vụ do

Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội. Khi khuyết Ủy viên Ban Thường vụ thì Ban Chấp hành bầu bổ sung trong số Ủy viên Ban Chấp hành.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo Nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ mỗi quý họp 01 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 2/3 (hai phần ba) tổng số Ủy viên Ban Thường vụ;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là hợp lệ khi có trên 2/3 (hai phần ba) số Ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

4. Thường trực Thành hội do Ban Thường vụ phân công để tổ chức thực hiện các hoạt động theo Nghị quyết, Quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ. Thường trực Thành hội gồm có: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, một số Ủy viên Ban Thường vụ là cán bộ chuyên trách công tác Hội. Thường trực Thành hội có nhiệm vụ sau:

a) Thay mặt Ban Thường vụ quản lý, điều hành, triển khai các hoạt động thường xuyên của Hội; xem xét, quyết định kết nạp hội viên tổ chức;

b) Chuẩn bị nội dung, chương trình các kỳ họp của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành;

c) Xây dựng các báo cáo, quy chế, quy định của Hội để trình Ban Thường vụ, Ban Chấp hành thông qua theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

d) Chuẩn bị và trình Ban Thường vụ thông qua nhân sự Văn phòng, các Ban chuyên môn; việc bổ nhiệm, bãi miễn các chức danh lãnh đạo Văn phòng, các ban chuyên môn, tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội.

đ) Hướng dẫn, phối hợp công tác với các Hội Cựu Thanh niên xung phong cấp quận hoạt động phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội và quy định của pháp luật

Điều 16. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và một số Ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;

- Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội theo Điều lệ Hội, các quy định của Hội và quy định của pháp luật.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 17. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý Nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội;

nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

3. Phó Chủ tịch Hội do Ban Thường vụ bầu trong số các Ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

a) Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

b) Trong phần công việc hoặc lĩnh vực được phân công có trách nhiệm:

- Hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức trực thuộc Hội trong việc thực hiện Điều lệ, các chủ trương, nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội; việc thực hiện quy chế tổ chức hoạt động và kết quả hoạt động của các tổ chức trực thuộc.

- Đề xuất với Ban Thường vụ và Chủ tịch những vấn đề liên quan đến công việc hoặc lĩnh vực được giao.

- Định kỳ báo cáo với Ban Thường vụ về kết quả phần công việc hoặc lĩnh vực được giao.

4. Phó Chủ tịch Thường trực Hội do Ban Thường vụ phân công có nhiệm vụ và quyền hạn giúp Chủ tịch Hội điều hành công việc hàng ngày và ký các văn bản của Hội theo phân công của Chủ tịch Hội; được thay mặt Chủ tịch Hội khi Chủ tịch vắng mặt; là ủy nhiệm chủ tài khoản của Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch, Thường trực Thành hội, Ban Thường vụ và Ban Chấp hành về điều hành hoạt động thường xuyên của Hội.

Điều 18. Văn phòng, các Ban chuyên môn:

1. Văn phòng, các Ban chuyên môn của Hội có chức năng, nhiệm vụ tham mưu, giúp lãnh đạo Hội triển khai thực hiện các hoạt động của Hội theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật; được tổ chức, hoạt động theo quy chế do Ban Thường vụ ban hành phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

2. Tổ chức bộ máy, nhân sự của Văn phòng, các Ban chuyên môn của Hội do Ban Thường vụ Thành hội quyết định trên cơ sở Nghị quyết của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội và đảm bảo sự thống nhất về hệ thống theo dõi công tác chuyên môn từ Hội Cựu Thanh niên xung phong Việt Nam.

3. Các nhân viên của Văn phòng, các Ban chuyên môn của Hội phải là những người có chuyên môn phù hợp, làm việc theo chế độ hợp đồng theo quy định của pháp luật.

4. Kinh phí hoạt động hàng năm của Văn phòng, các Ban chuyên môn của Hội do Phó Chủ tịch thường trực dự trù trình Ban Thường vụ phê duyệt trên cơ sở Nghị quyết của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội.

Điều 19. Các tổ chức và đơn vị trực thuộc Hội

Hội được thành lập một số tổ chức, đơn vị (gọi tắt là đơn vị trực thuộc) hoạt động dịch vụ, tư vấn theo nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Thành phố cho phép thành lập. Việc thành lập các đơn vị trực thuộc Hội phải tuân thủ quy định của pháp luật. Chủ tịch Hội chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của các đơn vị trực thuộc theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ, quy định của Hội. Việc giải thể, sáp nhập, chia, tách; quản lý và hoạt động; bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các chức danh lãnh đạo của các tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ, quy định của Hội.

Chương V
CHIA, TÁCH; SÁT NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 20. Chia, tách; sát nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về Hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI
TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 21. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên;

- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;

- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có);

- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;

- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;

- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;

- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội: Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 22. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII
KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 23. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật, của Hội Cựu Thanh niên xung phong Việt Nam và Điều lệ Hội.

Điều 24. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì tùy theo mức độ sai phạm có thể bị xử lý bằng một trong các hình thức kỷ luật:

a) Với tập thể: Khiển trách, cảnh cáo, xóa tên khỏi danh sách hội viên;

b) Với cá nhân: Khiển trách, cảnh cáo, bãi miễn chức vụ; xóa tên khỏi danh sách hội viên; buộc bồi thường thiệt hại. Trường hợp có hành vi vi phạm pháp luật thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền điều tra và xử lý theo pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội Hội Cựu Thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Cựu Thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh gồm 08 (tám) Chương, 26 (hai mươi sáu) Điều đã được Đại hội Đại biểu Hội Cựu Thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ IV (2021 - 2026) thông qua ngày 17 tháng 12 năm 2021 tại Thành phố Hồ Chí Minh và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Căn cứ quy định pháp luật về Hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Cựu Thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ